

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ – ST  
Ngày: 18/02/2022  
V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thùy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hòa

Bà Lê Thị Thận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng:** không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 415/HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 11 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 139/2021/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị Bích L, sinh năm 1997 ( có mặt)

Địa chỉ: khóm 1, ấp 3, xã X, huyện L, tỉnh N.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990 ( đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 1, xã Y, huyện H, tỉnh P.

**TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2021 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Bích L trình bày:* chị L và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh P, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, cả hai đều kết hôn lần đầu. Thời gian chung sống không có hạnh phúc đặc biệt là năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh C thường xuyên ăn nhậu, kinh tế gia đình khó khăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát mất tình cảm, sống ly thân từ năm 2020 L tục đến nay không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, sống bỏ

mặc nhau nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 06/04/2016; sau ly hôn chị L có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; hiện nay cháu Như đang chung sống cùng chị L. Về tài sản chung, nợ chung không có.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn C qua lời khai trình bày:* Anh Nguyễn Văn C và chị Bùi Thị Bích L tự nguyện chung sống từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh P, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, cả hai đều kết hôn lần đầu. Chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không hợp nhau, sống ly thân mất tình cảm, nay anh C đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị Bích L.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 06/04/2016; sau ly hôn anh C đồng ý giao cháu N cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu thành niên. Về tài sản chung, nợ chung không có. Ngoài ra, anh C không yêu cầu giải quyết nội dung gì, không phản tố gì.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh con chung ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Bích L và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh P phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã được chị L giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Bích L và anh Nguyễn Văn C là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị L và anh C đều thừa nhận giữa anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau nguyên nhân do anh, chị không có sự thấu hiểu nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, sống ly thân kéo dài từ đó vợ chồng mất tình cảm, hiện nay chị L và anh C đều đồng ý giải quyết ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2] Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 06/04/2016; sau ly hôn chị L có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cháu N đến khi cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Phía anh C đồng ý giao cháu Như cho chị L nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của các đương sự giao cháu Nguyễn Ngọc Thảo Như, sinh ngày 06/04/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Bùi Thị Bích L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 06/04/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo qui định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị Bích L nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000135, ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh P;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LƯU THÙY LINH**

